

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THIÊN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 35

448995
CÔNG
KHOA HỌC
KIỂM T
C VIỆT
CHI NH
HÀ NI
XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ - BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 5700289499 ngày 19/05/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần thay đổi lần 9 ngày 19/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND được chia thành 16.000.000 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	10.459.404
2	Các đối tượng khác	5.540.596

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Phạm Hồng Tài	Chủ tịch HĐQT (đến hết ngày 19/8/2014) (*)
- Ông Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT (bắt đầu từ ngày 20/8/2014) (*)
- Ông Phạm Văn Hà	Ủy viên - Giám đốc (đến hết ngày 31/8/2014) (**)
- Ông Nguyễn Xuân Lập	Ủy viên - Giám đốc (bắt đầu từ ngày 01/9/2014) (***)
- Ông Phạm Cao Nghĩa	Ủy viên
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên
- Ông Nguyễn Trọng Tấn	Ủy viên

(*) Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 20/8/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

(**) Theo Quyết định số 75/QĐ-HĐQT ngày 01/9/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

(***) Theo Quyết định số 76/QĐ-HĐQT ngày 01/9/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Văn Hà	Giám đốc (đến hết ngày 31/8/2014)
- Ông Nguyễn Xuân Lập	Giám đốc (bắt đầu từ ngày 01/9/2014)
- Ông Phạm Cao Nghĩa	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Phó Giám đốc
- Ông Đỗ Quang Hưng	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Thế Thành	Trưởng ban
- Ông Phạm Xuân Vinh (*)	Trưởng ban
- Bà Phạm Phú Mỹ	Ủy viên
- Ông Nguyễn Huy Hoàng	Ủy viên

(*) Ông Phạm Xuân Vinh giữ chức Trưởng ban Kiểm soát Công ty từ ngày 16/7/2014 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông bất thường ngày 16/7/2014.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động chính của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh than. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu

999-00
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
HÀ NỘI
VIỆT NAM
CHÍNH PHÁP
HÀ NỘI
QUẢN LÝ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

chuyên tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Lập

DAAB9C
CÔNG
HẠCH NHẾ
KIỂM
FC VIẾ
CHỈ N
HÀ
VH XUA

Số: 56 /2015/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đà Mai - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2013-009-1

Trần Đình Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1788-2013-009-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		760.337.509.972	1.287.396.066.673
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	788.743.414	257.636.309
Tiền	111		788.743.414	257.636.309
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.875.967.080	459.261.882.499
Phải thu khách hàng	131		289.411.422.761	459.103.653.139
Trả trước cho người bán	132		1.054.879.404	49.500.000
Các khoản phải thu khác	135	5.2	409.664.915	108.729.360
Hàng tồn kho	140		448.742.982.115	826.156.638.872
Hàng tồn kho	141	5.3	448.742.982.115	839.824.650.100
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(13.668.011.228)
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.929.817.363	1.719.908.993
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.636.623.300	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.4	1.293.194.063	1.719.908.993
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		926.018.508.538	693.967.241.290
Tài sản cố định	220		812.018.422.323	651.888.614.999
TSCĐ hữu hình	221	5.5	289.532.264.025	374.357.244.636
- Nguyên giá	222		1.133.933.187.648	1.075.748.021.549
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(844.400.923.623)	(701.390.776.913)
TSCĐ vô hình	227	5.6	2.083.292.017	1.933.798.511
- Nguyên giá	228		3.820.092.193	3.600.292.193
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(1.736.800.176)	(1.666.493.682)
Chi phí XD/CB dở dang	230	5.7	520.402.866.281	275.597.571.852
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.669.298.136	21.799.000.000
Dầu tư dài hạn khác	258	5.8	21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.129.701.864)	-
Tài sản dài hạn khác	260		96.330.788.079	20.279.626.291
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	84.680.276.641	13.976.919.120
Tài sản dài hạn khác	268		11.650.511.438	6.302.707.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.686.356.018.510	1.981.363.307.963



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.454.285.659.426	1.749.292.948.879
Nợ ngắn hạn	310		715.784.411.832	1.120.828.500.879
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	430.202.082.095	707.980.835.225
Phải trả người bán	312		130.645.622.547	281.119.235.717
Người mua trả tiền trước	313		-	34.789.700
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	111.464.249.413	43.286.607.670
Phải trả người lao động	315		14.908.057.815	26.613.833.737
Chi phí phải trả	316	5.12	590.936.614	-
Phải trả nội bộ	317		10.584.840.023	37.212.328.349
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	2.885.007.522	5.270.087.183
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.503.615.803	19.310.783.298
Nợ dài hạn	320		738.501.247.594	628.464.448.000
Vay và nợ dài hạn	334	5.14	738.501.247.594	628.464.448.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.070.359.084	232.070.359.084
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	232.070.359.084	232.070.359.084
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(130.000.000)	(130.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	413		27.416.985.238	27.416.985.238
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		44.783.373.846	30.427.373.846
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	14.356.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.686.356.018.510	1.981.363.307.963

395-0
 CÔNG T
 KIỂM H
 M TỌA
 VIỆT
 NHÀ
 TÀI N
 UÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP**Vu Thị Hải****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Lê Lương Ứng****GIÁM ĐỐC****Nguyễn Xuân Lập**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	02	6.1	2.250.338.731.789	1.701.605.881.698
2 Các khoản giảm trừ		6.2	-	-
3 Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	2.250.338.731.789	1.701.605.881.698
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	2.045.563.200.721	1.371.059.480.952
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		204.775.531.068	330.546.400.746
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	117.883.218	106.607.539
7 Chi phí tài chính	22	6.6	63.909.630.540	96.393.423.968
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.779.928.676	96.393.423.968
8 Chi phí bán hàng	24		2.473.603.320	75.238.158.998
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		110.658.994.399	99.826.373.515
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.851.186.027	59.195.051.804
11 Thu nhập khác	31		2.505.760.498	39.114.345.394
12 Chi phí khác	32		165.171.600	36.714.513.403
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.340.588.898	2.399.831.991
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.191.774.925	61.594.883.795
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	21.290.069.920	16.191.399.272
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8.901.705.005	45.403.484.523
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	556	2.838

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Lương Ứng

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Xuân Lập

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
A	B	1	2	3	4= 1 + 2 - 3
Thuế	10	37.163.618.677	305.789.031.746	234.107.025.073	108.845.625.350
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	2.533.526.778	77.560.306.402	51.018.664.931	29.075.168.249
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	12.922.845.153	21.290.069.920	16.395.283.213	17.817.631.860
Thuế tài nguyên	16	23.427.155.739	198.620.911.103	158.802.047.538	63.246.019.304
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	17	-	7.666.405.551	7.666.405.551	-
Các khoản thuế khác	19	(1.719.908.993)	651.338.770	224.623.840	(1.293.194.063)
Thuế môn bài		-	-	-	-
Thuế TNCN		(1.719.908.993)	648.338.770	221.623.840	(1.293.194.063)
Thuế khác		-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	30	4.403.080.000	105.013.640.064	108.091.290.064	1.325.430.000
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	4.403.080.000	13.453.094.000	16.530.744.000	1.325.430.000
Các khoản khác	33	-	91.560.546.064	91.560.546.064	-
Thu điều tiết		-	-	-	-
Các khoản nộp phạt		-	64.604.776	64.604.776	-
Nộp khác		-	91.495.941.288	91.495.941.288	-
Tổng cộng (40 = 10+ 30)	40	41.566.698.677	410.802.671.810	342.198.315.137	110.171.055.350

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hải

Lê Lương Ứng



Nguyễn Xuân Lập

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Nội dung	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	30.191.774.925	61.594.883.795
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	143.414.365.746	205.380.620.760
Các khoản dự phòng	03	(9.538.309.364)	13.668.011.228
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(115.473.218)	(4.197.018.190)
Chi phí lãi vay	06	59.779.928.676	96.393.423.968
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	223.732.286.765	372.839.921.561
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	168.812.630.349	(443.232.566.808)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	391.081.667.985	(200.442.709.154)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(123.644.957.602)	157.568.535.751
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(89.339.980.821)	(9.951.373.908)
Tiền lãi vay đã trả	13	(59.770.538.150)	(96.405.674.102)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.395.283.213)	(12.989.773.854)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	223.000.000	78.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.188.907.996)	(5.381.510.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	484.509.917.317	(237.917.150.514)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(303.554.739.894)	(361.662.499.336)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	30.266.740.294
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	117.883.218	106.607.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(303.436.856.676)	(331.289.151.503)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.162.933.817.788	2.068.587.796.331
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.330.675.771.324)	(1.481.563.334.508)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.800.000.000)	(19.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(180.541.953.536)	567.824.461.823
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	531.107.105	(1.381.840.194)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	257.636.309	1.639.476.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	788.743.414	257.636.309

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hải

Lê Lương Ứng



Nguyễn Xuân Lập

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ - BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 số 5700289499 ngày 03/06/2013.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa thiết bị điện tử, quang học;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa biết bị khác.

Công ty có trụ sở tại: phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.169 người, trong đó số cán bộ quản lý là 145 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Vinacomin số 06/TKV-KT ngày 05/01/2015 là 21.380 VND/USD.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| - Giá trị nguyên vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than | Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HDQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. |
| - Chi phí SXKD dở dang khác | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.8 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.9 Vốn hóa các chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5700289499 điều chỉnh lần 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày ngày 19 tháng 05 năm 2014, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000	100%
Các cổ đông khác	55.405.960.000	55.405.960.000	100%

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.14 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Than bán nội địa, cước vận chuyển và các dịch vụ khác: 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 22%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	80.246.647	35.875.454
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	708.496.767	221.760.855
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		788.743.414	257.636.309
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2014 bao gồm:			
	Nguyên tệ		VND
Đồng Việt Nam			80.246.647
Đồng ngoại tệ			-
Cộng			80.246.647
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 bao gồm:			
	Nguyên tệ		VND
Ngoại tệ			-
Đồng Việt Nam			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			70.511.059
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			375.750.577
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN			103.005.400
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội			76.555.716
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam			82.674.015
Cộng			708.496.767

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phải thu tiền dầu vượt định mức	6.347.009	6.706.000
Phải thu Ngân hàng Công thương Cẩm Phả	239.438.890	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	157.287.366	87.023.360
Phải thu khác	6.591.650	15.000.000
Cộng	409.664.915	108.729.360

5.3. Hàng tồn kho

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	14.261.776.433	14.679.947.350
Công cụ, dụng cụ	75.790.621	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	324.658.823.819	751.788.081.908
Thành phẩm	109.746.591.242	73.356.620.842
Cộng giá gốc hàng tồn kho	448.742.982.115	839.824.650.100

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: 0 VND

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 13.668.011.228 VND

* Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do trong năm Công ty đã xuất vào sản xuất toàn bộ giá trị của hàng tồn kho đã thực hiện trích lập dự phòng từ kỳ trước chuyển sang. Cuối kỳ kế toán không phát sinh các hàng tồn kho có giá trị thuần nhỏ hơn giá trị ghi sổ cần thiết phải xem xét trích lập dự phòng giảm giá.

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	1.293.194.063	1.719.908.993
Cộng	1.293.194.063	1.719.908.993

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

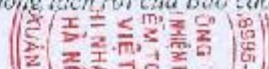
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	16.784.602.197	396.585.026.846	661.355.337.029	1.023.055.477	-	1.075.748.021.549
- Mua trong năm	-	32.837.983.116	7.256.507.190	-	-	40.094.490.306
- Đầu tư XD CB hoàn thành	18.435.155.159	-	-	-	-	18.435.155.159
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(336.322.542)	-	-	-	-	(336.322.542)
- Giảm khác	-	(8.156.824)	-	-	-	(8.156.824)
Số dư cuối năm	34.883.434.814	429.414.853.138	668.611.844.219	1.023.055.477	-	1.133.933.187.648
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	9.775.447.758	226.393.275.143	464.474.990.511	747.063.501	-	701.390.776.913
- Khấu hao trong năm	2.649.133.546	54.508.477.558	86.113.031.688	73.416.460	-	143.344.059.252
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(333.912.542)	-	-	-	-	(333.912.542)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.090.668.762	280.901.752.701	550.588.022.199	820.479.961	-	844.400.923.623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	7.009.154.439	170.191.751.703	196.880.346.518	275.991.976	-	374.357.244.636
Tại ngày cuối năm	22.792.766.052	148.513.100.437	118.023.822.020	202.575.516	-	289.532.264.025
- Thế chấp, cầm cố						161.762.244.777
- Đã KH hết, đang sử dụng						317.003.851.671
- Chờ thanh lý						-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.732.800.000	145.961.600	1.721.530.593	3.600.292.193
- Mua trong năm	-	219.800.000	-	219.800.000
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.732.800.000	365.761.600	1.721.530.593	3.820.092.193
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	-	145.961.600	1.520.532.082	1.666.493.682
- Khấu hao trong năm	-	20.273.790	50.032.704	70.306.494
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
	-	166.235.390	1.570.564.786	1.736.800.176
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.732.800.000	-	200.998.511	1.933.798.511
Tại ngày cuối năm	1.732.800.000	199.526.210	150.965.807	2.083.292.017

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	520.402.866.281	275.597.571.852
<i>Bóc đất xây dựng cơ bản</i>	<i>516.391.333.522</i>	<i>273.157.536.989</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>4.011.532.759</i>	<i>2.440.034.863</i>

5.8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư mua cổ phần tại Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin	2.179.900	21.799.000.000	2.179.900	21.799.000.000
Cộng	2.179.900	21.799.000.000	2.179.900	21.799.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phí bảo hiểm xe cơ giới	228.814.366	481.924.469
Chi phí vé trạm phân bổ	1.820.000	1.940.000
Thuế trước bạ cho xe ô tô	3.155.549.482	4.949.966.622
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	27.442.318.604	8.080.418.664
Chi phí trả trước dài hạn khác	138.047.221	462.669.365
Chi phí quyền khai thác khoáng sản	53.713.726.968	-
Cộng	84.680.276.641	13.976.919.120

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay ngắn hạn	430.202.082.095	707.980.835.225
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả</i>	<i>377.643.976.924</i>	<i>399.530.603.226</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Cẩm Phả</i>	<i>38.648.820.888</i>	<i>89.920.431.817</i>
<i>Công ty TNHH MTV Tài chính Than</i>	<i>-</i>	<i>44.781.472.044</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Cẩm Phả</i>	<i>-</i>	<i>42.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Dầu khí và Phát triển Cẩm Phả</i>	<i>13.909.284.283</i>	<i>131.748.328.138</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	430.202.082.095	707.980.835.225

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	29.075.168.249	2.533.526.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.817.631.860	12.922.845.153
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	63.246.019.304	23.427.155.739
Thuế khác	-	-
Phí và lệ phí	1.325.430.000	4.403.080.000
Cộng	111.464.249.413	43.286.607.670

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.12. Chi phí phải trả

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí lãi vay	9.390.526	-
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	31.600.000	-
Chi phí đầu tư XDCB	417.726.886	-
Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp	119.204.041	-
Phí sử dụng điện thoại	13.015.161	-
Cộng	590.936.614	-

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Kinh phí công đoàn	163.919.590	120.321.850
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	-	-
Kinh phí Đảng	25.845.376	102.576.877
Cổ tức phải trả cổ đông	2.216.238.400	4.432.476.800
Bảo lãnh dự thầu	-	61.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.004.156	553.711.656
Cộng	2.885.007.522	5.270.087.183

5.14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay dài hạn	738.501.247.594	628.464.448.000
Vay ngân hàng	588.501.247.594	447.054.448.000
Ngân hàng TMCP Công Thương	81.820.000.000	137.472.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	149.261.247.594	103.725.448.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	2.095.000.000	4.807.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	323.915.000.000	201.050.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	31.410.000.000	-
Vay đối tượng khác	150.000.000.000	181.410.000.000
Công ty TNHH MTV Tài chính Than	-	31.410.000.000
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	150.000.000.000	150.000.000.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	738.501.247.594	628.464.448.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Cẩm Phả bao gồm 4 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 81.820.000.000 đồng. Các khoản vay này có thời hạn từ 57 đến 84 tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, các hợp đồng với mức lãi suất thả nổi có điều chỉnh của Ngân hàng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản.
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cẩm Phả bao gồm 03 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 149.261.247.594 đồng. Khoản vay này có thời hạn từ 60 đến 78 tháng và hình thức đảm bảo tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mức lãi suất thả nổi có điều chỉnh của Ngân hàng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản.
- Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc Tế bao gồm 02 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 2.095.000.000 đồng. Các khoản vay này có thời hạn từ 60 tháng đến 84 tháng, hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản, với mức lãi suất thả nổi có điều chỉnh của Ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 323.915.000.000 đồng. Khoản vay này có thời hạn 7 năm, cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản và lãi suất cho vay thay đổi theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Quảng Ninh nhưng không cao hơn lãi suất cho vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.
- Khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng bao gồm 02 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 31.410.000.000 đồng. Các khoản vay này có thời hạn từ 60 tháng đến 84 tháng, hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản, với mức lãi suất thả nổi có điều chỉnh của Ngân hàng. Nợ dài hạn đến hạn trả năm 2015 là 15.712.000.000 đồng.

5-001
T. TY
M. HƯU
TOÁN
T. NA
HÀNH
HỘI
N. T. P.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	(130.000.000)	7.820.935.573	21.319.938.988	14.356.000.000	-	203.366.874.561
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	45.403.484.523	45.403.484.523
Tăng khác	-	-	19.596.049.665	28.703.484.523	-	-	48.299.534.188
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(19.596.049.665)	-	(45.403.484.523)	(64.999.534.188)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	30.427.373.846	14.356.000.000	-	232.070.359.084
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	8.901.705.005	8.901.705.005
Tăng khác	-	-	-	14.356.000.000	-	-	14.356.000.000
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(14.356.000.000)	(8.901.705.005)	(23.257.705.005)
Số dư cuối năm	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	-	-	232.070.359.084

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	104.594.040.000	104.594.040.000
Vốn góp của đối tượng khác	55.405.960.000	55.405.960.000
Cộng	160.000.000.000	160.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn góp đầu năm	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	160.000.000.000	160.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	44.783.373.846	30.427.373.846
Quỹ dự phòng tài chính	-	14.356.000.000

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tài đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.250.338.731.789	1.701.605.881.690
Doanh thu than	2.131.326.205.941	1.556.093.870.361
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	119.012.525.848	145.512.011.337

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.250.338.731.789	1.701.605.881.690
Doanh thu thuần bán than	2.131.326.205.941	1.556.093.870.361
Doanh thu thuần bán hàng hóa, dịch vụ khác	119.012.525.848	145.512.011.337

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn than	1.940.601.529.581	1.225.542.185.599
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	118.629.682.368	131.849.284.125
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(13.668.011.228)	13.668.011.228
Cộng	2.045.563.200.721	1.371.059.480.952

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.509.337	43.828.927
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.373.881	62.778.612
Cộng	117.883.218	117.883.218

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền vay	59.779.928.676	96.393.423.968
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.129.701.864	-
Cộng	63.909.630.540	96.393.423.968

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.191.774.925	61.594.883.795
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	66.581.270.170	3.170.713.294
- Tổng thu nhập chịu thuế	96.773.045.095	64.765.597.089
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	96.773.045.095	64.765.597.089
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.290.069.920	16.191.399.272
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-	-
Cộng	21.290.069.920	16.191.399.272

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.901.705.005	45.403.484.523
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.901.705.005	45.403.484.523
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	556	2.838

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.920.265.423	718.618.649.185
Chi phí nhân công	108.137.792.537	115.378.411.358
Chi phí khấu hao TSCĐ	143.414.365.746	205.380.620.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.629.735.519	695.640.615.862
Chi phí khác bằng tiền	409.998.381.937	395.252.096.602
Cộng	<u>2.022.100.541.162</u>	<u>2.130.270.393.767</u>

6.10 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Rủi ro về giá cổ phiếu

Khoản đầu tư của Công ty là đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã được Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin cam kết mua lại theo giá gốc khoản đầu tư, do đó Công ty đánh giá không có rủi ro về sự giảm giá của khoản đầu tư này.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	788.743.414	-	788.743.414
Phải thu khách hàng	289.411.422.761	-	289.411.422.761
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	409.664.915	-	409.664.915
Tài sản tài chính khác	2.348.073.467	11.650.511.438	13.998.584.905
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	292.957.904.557	33.449.511.438	326.407.415.995
Ngày 31/12/2014			
Các khoản vay và nợ	430.202.082.095	738.501.247.594	1.168.703.329.689
Phải trả người bán, phải trả khác	130.645.622.547	-	130.645.622.547
Chi phí phải trả	140.433.091.387	-	140.433.091.387
Tổng cộng	701.280.796.029	738.501.247.594	1.439.782.043.623
Chênh lệch thanh khoản thuần	(408.322.891.472)	(705.051.736.156)	(1.113.374.627.628)
Ngày 01/01/2014			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.636.309	-	257.636.309
Phải thu khách hàng	459.103.653.139	-	459.103.653.139
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	108.729.360	-	108.729.360
Tài sản tài chính khác	1.769.408.993	6.302.707.171	8.072.116.164
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	461.239.427.801	28.101.707.171	489.341.134.972
Ngày 01/01/2014			
Các khoản vay và nợ	707.980.835.225	628.464.448.000	1.336.445.283.225
Phải trả người bán, phải trả khác	393.536.882.356	-	393.536.882.356
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	1.101.517.717.581	628.464.448.000	1.729.982.165.581
Chênh lệch thanh khoản thuần	(640.278.289.780)	(600.362.740.829)	(1.240.641.030.609)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	289.411.422.761	459.103.653.139	289.411.422.761	459.103.653.139
<i>Các khoản phải thu khác</i>	409.664.915	108.729.360	409.664.915	108.729.360
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	21.799.000.000	21.799.000.000	21.799.000.000	21.799.000.000
<i>Tiền và các khoản TĐT</i>	788.743.414	257.636.309	788.743.414	257.636.309
Tổng cộng	312.408.831.090	481.269.018.808	312.408.831.090	481.269.018.808
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	1.168.703.329.689	1.336.445.283.225	1.168.703.329.689	1.336.445.283.225
<i>Phải trả người bán</i>	130.645.622.547	281.119.235.717	130.645.622.547	281.119.235.717
<i>Phải trả khác</i>	140.433.091.387	112.417.646.639	140.433.091.387	112.417.646.639
Tổng cộng	1.439.782.043.623	1.729.982.165.581	1.439.782.043.623	1.729.982.165.581

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2014 và ngày 01/01/2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

6.11 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 95% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2014), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2014 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	981.000.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	240.105.200
Tổng cộng	1221.105.200

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 04 - Vinacomin: Báo cáo đầu tư dài hạn khác;
- Phụ biểu B01-TSCĐ -HN: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong năm;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Lương Ứng

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Lập

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	Đơn vị	Doanh thu			Giá vốn		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG		1.385.620,51		2.131.326.205.941			
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phá- Vinacomin		1.385.620,51	1.538.175	2.131.326.205.941	1.385.620,51	1.400.529	1.940.601.529.581

Người lập biên

Vũ Thị Hải

Kế toán Trưởng

Lê Lương Ứng

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Xuân Lập

BÁO CÁO ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

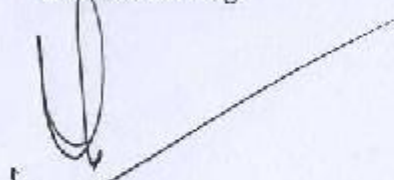
STT	TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	Đầu năm		Cuối năm		Tỷ lệ nắm giữ (%)		Loại hình kinh doanh
		Vốn góp của công ty	Vốn công ty liên kết	Vốn góp của công ty	Vốn công ty liên kết	Đầu kỳ	Cuối kỳ	
A	B	1	2	3	4	5=1-2	6=3/4	7
	TỔNG CỘNG	21.799.000.000	-	21.799.000.000	-	-	-	-
I	Trong tập đoàn Vinacomin	21.799.000.000		21.799.000.000	-			
I	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả	21.799.000.000		21.799.000.000				Góp vốn cổ phần
II	Ngoài tập đoàn Vinacomin	-	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



Vu Thị Hải

Kế toán Trưởng



Lê Lương Ứng

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Xuân Lập

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích KH (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao TS (Đơn vị: Năm)	Thời gian KH còn lại tính đến cuối kỳ BC (Đơn vị: Năm)	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Hóa đơn	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD/CB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn đã tăng tài sản để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo		38.180.701.510	34.660.353.425	2.192.807.048	32.997.437.847						
1	Công ty CP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin		16.401.866.011	14.910.787.282	1.235.757.028	13.675.030.254						
1.1	Máy móc, thiết bị											
	Phần thiết bị gói thầu hệ thống sàng 500 tấn/giờ	1	16.200.339.610	14.727.581.463	1.220.573.532	13.507.007.931	05/04/2014	8	7,3	SXKD	0114099	29/05/2014
1.2	Khác											
	Thiết kế bản vẽ KTTG và dự toán gói thầu hệ thống sàng 500 tấn/giờ	1	201.526.401	183.205.819	15.183.496	168.022.323	05/04/2014	8	7,3	SXKD	0114098	29/05/2014
2	Công ty TNHH MTV Môi Trường - Vinacomin		19.815.406.536	17.984.928.904	879.091.744	17.105.837.160						
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc											
	Phần xây dựng hạng mục hệ thống sàng 500 tấn/giờ	1	11.093.397.936	10.084.907.215	835.803.954	9.249.103.261	05/04/2014	8	7,3	SXKD	0164273	29/05/2014
	Thi công xây lắp một số hạng mục công trình mặt bằng SCN +150	1	8.722.008.600	7.900.021.689	43.287.790	7.856.733.899	20/12/2014	6	5,9	SXKD	0155259	12/12/2014
3	Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện - Vinacomin		1.621.714.000	1.453.987.273	76.256.084	1.377.731.189						
	Máy móc, thiết bị											
	01 Trạm biến áp treo 560kVA-6/(0,69)/0,4 kV	1	634.154.000	568.719.091	29.827.146	538.891.945	20/08/2014	7	6,6	SXKD	0096417	02/05/2014
	01 trạm biến áp cột 560 kVA-6/(0,69)/0,4 Kv	1	987.560.000	885.268.182	46.428.938	838.839.244	20/08/2014	7	6,6	SXKD	0096576	18/08/2014
											0096821	31/12/2014
4	CN, Cty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp Vinacomin, XN thiết kế Than Hòn Gai		341.714.963	310.649.966	1.702.192	838.839.244						
	Tư vấn lập thiết kế bản vẽ KTTG và dự toán một số hạng mục công trình mặt bằng SCN +150	1	341.714.963	310.649.966	1.702.192	838.839.244	20/12/2014	6	5,9	SXKD	0137914	12/06/2014
B	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD/CB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn nhưng chưa tăng tài sản trích khấu hao (do trong quá trình đầu tư, hoặc nguyên nhân khác) tính đến cuối kỳ báo cáo.											

Người lập biểu

Kế toán Trưởng

Vũ Thị Hải

Lê Lương Ứng



Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

Chiam đốc

Nguyễn Xuân Lập

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Vào ngày 31/12/2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131	331	311	228	336	341
A	B	1	2			4	6
1	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	289.398.907.807	62.173.679.600	-	-	10.584.840.023	-
1	Cty CN hoá chất Mỏ Quảng Ninh	-	11.381.029.833	-	-	-	-
2	CN.Cty CP vật tư - TKV, XN vật tư Cẩm Phả	-	15.135.583.158	-	-	-	-
3	Công ty cổ phần Giám định - VINACOMIN	-	155.626.914	-	-	-	-
4	Chi nhánh Tập đoàn CN Than Khoáng Sản Việt Nam - Công ty Than Hạ Long TKV	40.052.905	-	-	-	-	-
5	Cty CP DL & TM - VINACOMIN	-	4.620.000.000	-	-	-	-
6	Cty CP vật tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	-	1.112.693.543	-	-	-	-
7	Cty CP cơ khí & thiết bị áp lực - VV.MI	-	11.055.000	-	-	-	-
8	Cty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	-	11.529.896.832	-	-	-	-
9	Cty TNHH ITV TM & DV - ITASCO	-	7.238.000	-	-	-	-
10	Cty CP kinh doanh Than Cẩm Phả	-	7.010.004.023	-	-	-	-
11	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	289.358.854.902	-	-	-	-	-
12	Tập đoàn CN Than KSVN	-	-	-	-	10.584.840.023	-
13	Công ty TNHH MTV Môi Trường - vinacomin	-	8.836.962.332	-	-	-	-
14	Công ty CP thiết bị điện - Vinacomin	-	381.632.749	-	-	-	-
15	CN, Cty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp Vinacomin, XN thiết kế Than Hòn Gai	-	34.171.496	-	-	-	-
16	CN, Cty CP chế tạo máy Vinacomin,	-	118.299.500	-	-	-	-
17	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	15.312.000	-	-	-	-
18	Cty CP đầu tư, khoáng sản và dịch vụ - ITASCO	-	1.062.764.804	-	-	-	-
19	Công ty MTV địa chất mỏ - Vinacomin	-	761.409.416	-	-	-	-

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131	331	311	228	336	341
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	21.799.000.000	-	150.000.000.000
1	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	-	-	-	21.799.000.000	-	-
2	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	-	150.000.000.000
	CỘNG	289.398.907.807	62.173.679.600	-	21.799.000.000	10.584.840.023	150.000.000.000

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán Trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Hải



Lê Lương Ứng



Nguyễn Xuân Lập